

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – ĐẮK LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST

Ngày 22 – 9 – 2025

V/v yêu cầu ly hôn, giải
quyết về con chung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mung Niê.

2. Ông Vũ Công Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỷ - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk (cũ), mở phiên toàn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 52/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025, về việc *Yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị H Ng Niê, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Buôn K, xã C, huyện K (nay là Buôn K, xã Kr), tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Y H Kpă, sinh năm 1980.

Địa chỉ HKTT: Buôn K, xã C, huyện K (nay là Buôn K, xã Kr), tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ở hiện nay: Buôn K, xã Kr, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/5/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị H Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H Ng và anh Y H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân C, huyện Kr, tỉnh Đắk Lắk (nay là Ủy ban nhân dân xã Kr, tỉnh Đắk Lắk) theo giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01/2011, ngày 28/3/2011. Thời gian đầu sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc, lo làm ăn phát triển kinh tế. Sau một thời gian trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, quan điểm trái ngược nhau, đến khoảng thời gian gần đây tiếp tục mâu thuẫn trầm trọng, không tìm được tiếng nói chung, đã tự hoà giải nhiều lần nhưng không được. Đã sống ly thân khoảng hơn một năm nay, anh Y H đã chuyển về sinh sống cùng anh em tại Buôn Kt, xã Kr, tỉnh Đắk Lắk. Đến nay mâu thuẫn đã quá trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống nên để đảm bảo cuộc sống riêng của mỗi người, ổn định sinh sống làm ăn, chị H Ng kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh Y H.

Về con chung: Chị H Ng và anh Y H có hai con chung là H L Niê, sinh ngày 01/01/2010 và H Th Niê sinh ngày 17/02/2014, từ khi ly thân các con do chị H Ng trực tiếp nuôi dưỡng, chị H Ng yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H Ng không yêu cầu anh Y H phải cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H Ng không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Y H Kpă, quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị H Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Kr vào ngày 28/3/2011. Tôi và chị H Ng thời gian đầu sống cũng hoà thuận, hạnh phúc nhưng đến khoảng hơn một năm nay thì chúng tôi đã ly thân, không còn chung sống, vì chúng tôi mâu thuẫn, cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung, không thể chung sống được nên tôi đã về Buôn Đ, xã C sống, tôi đồng ý ly hôn với chị H Ng.

Về con chung: Chúng tôi 02 con chung là H L Niê sinh ngày 01/01/2010 và H Th Niê sinh ngày 17/02/2014, chị H Ng yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con đến khi đủ 18 tuổi thì tôi đồng ý, không có ý kiến gì.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H Ng không yêu cầu tôi phải trả tiền cấp dưỡng nên tôi không có ý kiến gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi trước thời điểm xét xử vụ án đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tại

phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn quá trình giải quyết vụ án đã nhiều lần vắng mặt không tham gia tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do nên việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H Ng Niê.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị H Ng Niê được ly hôn với anh Y H Kpă.

Về con chung: Giao hai con chung là H L Niê sinh ngày 01/01/2010 và H Th Niê sinh ngày 17/02/2014 cho chị H Ng Niê được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H Ng Niê không yêu cầu anh Y H Kpă phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H Ng Niê và anh Y H Kpă đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 - Đăk Lăk) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Y H Kpă đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do nên việc xét xử vắng bị đơn là đúng quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H Ng Niê, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Chị H Ng Niê và anh Y H Kpă kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Kr (nay là Ủy ban nhân dân xã Kr), tỉnh Đăk Lăk, theo giấy chứng nhận kết hôn số 19, quyển số 01/2011, ngày 28/3/2011, quan hệ hôn nhân là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Xét lời trình bày của chị H Ng cho rằng quá trình chung sống có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hay xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn là có căn cứ phù hợp với lời trình bày và thừa nhận của anh Y H Kpă và kết quả xác minh tại nơi cư trú của đương sự, thể hiện quá trình chung sống giữa chị H Ng và anh Y H đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống. Do đó, có căn cứ

xác định, trong cuộc sống hôn nhân giữa chị H Ng và anh Y H xảy ra mâu thuẫn là có thật và kéo dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, thực tế không còn chung sống hơn một năm nay, anh Y H cũng đồng ý ly hôn nên cần chấp nhận cho chị H Ng được ly hôn với anh Y H là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị H Ng yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là H L Niê sinh ngày 01/01/2010 và H Th Niê sinh ngày 17/02/2014, từ khi không còn chung sống, chị H Ng là người trực tiếp nuôi các con, cháu H L và cháu H Th cũng có nguyện vọng được ở với chị H Ng, anh H cũng đồng ý nên cần chấp nhận giao hai con cho chị H Ng được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H Ng không yêu cầu anh Y H phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H Ng và anh Y H đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị H Ng thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí nên cần miễn nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị H Ng là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H Ng Niê.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H Ng Niê được ly hôn với anh Y H Kpă.

2. Về con chung: Giao hai con chung là H L Niê, sinh ngày 01/01/2010 và H Th Niê, sinh ngày 17/02/2014 cho chị H Ng Niê được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con làm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con

thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H Ng Niê không yêu cầu anh Y H Kpă phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị H Ng và anh Y H Kpă đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị H Ng Niê thuộc hộ cận nghèo, có đơn xin miễn nộp án phí nên miễn nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị H Ng Niê.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn người có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 8 - Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 8 - Đắk Lắk;
- UBND xã K – Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Hoàng Văn Vân